

Bản án số: 151/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Dứt;

2. Bà Phạm Xuân Đào.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1997; địa chỉ: tổ 03, ấp Khánh Thuận, xã Khánh H, huyện Châu P, tỉnh An Giang; có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Hữu T, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp Long H 2, xã Long Điền A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày, sau thời gian tự tìm hiểu chị và anh T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2023 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền A, huyện Chợ M tỉnh An Giang. Vợ chồng sống chung đôi lúc cũng hay cãi vã, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng không còn sống chung

từ cuối năm 2023 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Thị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phan Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ H giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận kết hôn số 09/2023 ngày 01.02.2023 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì khác.

- Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Phan Hữu T do quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2023, tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống đến khoảng 08 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã ly thân khoảng 06 tháng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

Phía anh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và đã ly thân khoảng 06 tháng nay. Từ khi khởi kiện đến nay, phía anh T không có ý kiến phản hồi hoặc tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L đối với anh Phan Hữu T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Hữu T cư trú ấp Long H 2, xã Long Điền A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên, anh Phan Hữu T được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Chị Lê Thị L và anh Phan Hữu T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, chị L với anh T thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh chị không còn sống chung từ cuối năm 2023 cho đến nay. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị L, anh T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Lê Thị L xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị L xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Anh Phan Hữu T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều:*

*Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;*

*Các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Phan Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2023 ngày 01/02/2023 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp cho chị Lê Thị L và anh Phan Hữu T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị L xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị L và anh T trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015205 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 12 tháng 3 năm 2024; Chị Lê Thị L đã nộp đủ án phí.

Anh Phan Hữu T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ M (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ M (1);
- UBND xã Long Điền A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**